

KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN TRỞ LÊN NĂM 2024
(Kèm theo Tờ trình của Ủy ban nhân dân Thành phố)

STT	TÊN ĐƠN VỊ	BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC ĐƯỢC GIAO NĂM 2023	SỐ CÓ MẶT ĐẾN TÍNH ĐẾN NGÀY 15/9/2023	KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC NĂM 2024	TĂNG, GIẢM SO VỚI NĂM 2023
	TOÀN THÀNH PHỐ	7 920	7 274	7 940	20
I	KHỐI SỞ, BAN, NGÀNH	3 314	3 078	3 319	5
1	Văn phòng UBND Thành phố	147	139	147	
2	Các cơ quan thuộc HĐND Thành phố	62	58	62	
3	Sở Thông tin và Truyền thông	69	57	69	
4	Sở Nội vụ	126	109	124	- 2
5	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	575	548	549	- 26
6	Sở Công Thương	122	108	122	
7	Sở Kế hoạch và Đầu tư	158	148	160	2
8	Sở Tài chính	213	182	210	- 3
9	Sở Xây dựng	200	179	200	
10	Sở Giao thông Vận tải	408	379	408	
11	Sở Khoa học và Công nghệ	97	76	91	- 6
12	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	146	136	144	- 2
13	Sở Giáo dục và đào tạo	126	113	126	
14	Sở Y tế	153	134	153	
15	Sở Văn hóa và Thể thao	107	104	107	
16	Sở Du lịch	52	47	52	
17	Sở Tư pháp	73	70	73	
18	Sở Ngoại vụ	33	29	33	
19	Sở Tài nguyên và Môi trường	170	162	170	
20	Sở Quy hoạch Kiến trúc	91	86	94	3
21	Thanh tra Thành phố	112	108	112	
22	Ban Dân tộc	21	21	21	
23	Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội	53	51	53	
24	Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc		34	39	39

STT	TÊN ĐƠN VỊ	BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC ĐƯỢC GIAO NĂM 2023	SỐ CÓ MẶT ĐẾN TÍNH ĐẾN NGÀY 15/9/2023	KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC NĂM 2024	TĂNG, GIẢM SO VỚI NĂM 2023
II	KHỐI CHÍNH QUYỀN QUẬN, HUYỆN, THỊ XÃ	4 606	4 196	4 621	15
1	Quận Hoàn Kiếm	174	150	174	
a	Khối các phòng ban	122	106	122	
b	Đội quản lý trật tự xây dựng đô thị	52	44	52	
2	Quận Hai Bà Trưng	178	159	178	
a	Khối các phòng ban	131	118	131	
b	Đội quản lý trật tự xây dựng đô thị	47	41	47	
3	Quận Ba Đình	165	146	165	
a	Khối các phòng ban	122	107	122	
b	Đội quản lý trật tự xây dựng đô thị	43	39	43	
4	Quận Đống Đa	199	183	199	
a	Khối các phòng ban	142	131	142	
b	Đội quản lý trật tự xây dựng đô thị	57	52	57	
5	Quận Tây Hồ	148	136	148	
a	Khối các phòng ban	114	102	114	
b	Đội quản lý trật tự xây dựng đô thị	34	34	34	
6	Quận Thanh Xuân	151	143	151	
a	Khối các phòng ban	117	111	117	
b	Đội quản lý trật tự xây dựng đô thị	34	32	34	
7	Quận Cầu Giấy	149	138	149	
a	Khối các phòng ban	116	105	116	
b	Đội quản lý trật tự xây dựng đô thị	33	33	33	
8	Quận Hoàng Mai	170	154	170	
a	Khối các phòng ban	118	104	118	
b	Đội quản lý trật tự xây dựng đô thị	52	50	52	
9	Quận Long Biên	162	148	162	
a	Khối các phòng ban	118	105	118	
b	Đội quản lý trật tự xây dựng đô thị	44	43	44	
10	Quận Nam Từ Liêm	154	140	154	
a	Khối các phòng ban	117	105	117	
b	Đội quản lý trật tự xây dựng đô thị	37	35	37	
11	Quận Bắc Từ Liêm	155	132	155	
a	Khối các phòng ban	118	104	118	
b	Đội quản lý trật tự xây dựng đô thị	37	28	37	
12	Quận Hà Đông	175	168	175	
a	Khối các phòng ban	131	128	131	
b	Đội quản lý trật tự xây dựng đô thị	44	40	44	
13	Huyện Thanh Trì	173	164	173	
a	Khối các phòng ban	123	115	123	
b	Đội quản lý trật tự xây dựng đô thị	50	49	50	
14	Huyện Gia Lâm	179	169	180	1
a	Khối các phòng ban	124	116	125	1
b	Đội quản lý trật tự xây dựng đô thị	55	53	55	
15	Huyện Đông Anh	191	179	192	1
a	Khối các phòng ban	130	121	131	1
b	Đội quản lý trật tự xây dựng đô thị	61	58	61	

STT	TÊN ĐƠN VỊ	BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC ĐƯỢC GIAO NĂM 2023	SỐ CÓ MẶT ĐẾN TÍNH ĐẾN NGÀY 15/9/2023	KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC NĂM 2024	TĂNG, GIẢM SO VỚI NĂM 2023
16	Huyện Sóc Sơn	196	185	197	1
a	Khối các phòng ban	134	125	135	1
b	Đội quản lý trật tự xây dựng đô thị	62	60	62	
17	Huyện Ba Vì	148	135	149	1
a	Khối các phòng ban	129	124	130	1
b	Đội quản lý trật tự xây dựng đô thị	19	11	19	
18	Thị xã Sơn Tây	147	130	148	1
a	Khối các phòng ban	121	109	122	1
b	Đội quản lý trật tự xây dựng đô thị	26	21	26	
19	Huyện Thạch Thất	134	112	135	1
a	Khối các phòng ban	116	97	117	1
b	Đội quản lý trật tự xây dựng đô thị	18	15	18	
20	Huyện Phúc Thọ	127	109	128	1
a	Khối các phòng ban	109	95	110	1
b	Đội quản lý trật tự xây dựng đô thị	18	14	18	
21	Huyện Đan Phượng	132	117	133	1
a	Khối các phòng ban	113	104	114	1
b	Đội quản lý trật tự xây dựng đô thị	19	13	19	
22	Huyện Hoài Đức	141	135	142	1
a	Khối các phòng ban	117	116	118	1
b	Đội quản lý trật tự xây dựng đô thị	24	19	24	
23	Huyện Quốc Oai	133	127	134	1
a	Khối các phòng ban	115	111	116	1
b	Đội quản lý trật tự xây dựng đô thị	18	16	18	
24	Huyện Chương Mỹ	140	127	140	
a	Khối các phòng ban	119	113	119	
b	Đội quản lý trật tự xây dựng đô thị	21	14	21	
25	Huyện Thanh Oai	126	113	127	1
a	Khối các phòng ban	110	99	111	1
b	Đội quản lý trật tự xây dựng đô thị	16	14	16	
26	Huyện Thường Tín	131	121	132	1
a	Khối các phòng ban	110	102	111	1
b	Đội quản lý trật tự xây dựng đô thị	21	19	21	
27	Huyện Ứng Hòa	130	117	131	1
a	Khối các phòng ban	109	100	110	1
b	Đội quản lý trật tự xây dựng đô thị	21	17	21	
28	Huyện Phú Xuyên	129	119	130	1
a	Khối các phòng ban	109	101	110	1
b	Đội quản lý trật tự xây dựng đô thị	20	18	20	
29	Huyện Mỹ Đức	130	119	131	1
a	Khối các phòng ban	114	107	115	1
b	Đội quản lý trật tự xây dựng đô thị	16	12	16	
30	Huyện Mê Linh	139	121	139	
a	Khối các phòng ban	116	105	116	
b	Đội quản lý trật tự xây dựng đô thị	23	16	23	